

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ P
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 19-01-2021

Về việc: Ly hôn, tranh chấp
nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ P, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thu Hiền

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phạm Thị Hiền

2. Ông Nguyễn Thế Phương

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Kim Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã P: Ông Mai Văn Tiên – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 548/2020/TLST-HNGĐ ngày 03/11/2020 về “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2020/QĐXX-ST ngày 29/12/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Văn Hoàng K, sinh năm: 1993

Địa chỉ: Tổ 14, khu phố T, phường P1, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Có mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1987

Địa chỉ: Tổ 17, khu phố T, phường P1, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn ông Văn Hoàng K trình bày:

Ông K xây dựng gia đình với bà Nguyễn Thị H vào năm 2012, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Quảng Nam vào ngày 23/9/2013.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung trong cách chi tiêu kinh tế gia đình nên thường xuyên cãi vã, không hạnh phúc khi chung sống. Từ tháng 5 năm 2020 đến nay vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến nhau. Ông K xác định hiện nay không còn tình cảm với bà H nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà H.

Về con chung: Ông K và bà H có 01 con chung là cháu Văn Thị Bảo V, sinh ngày 29/02/2012. Từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu V được bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Nay ông có nguyện vọng giao cháu V cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/12/2020 bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà thống nhất về điều kiện đi đến hôn nhân và thời gian kết hôn như ông K đã trình bày.

Bà xác định vợ chồng chung sống có nhiều mâu thuẫn do thiếu sự chia sẻ với nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng nhiều lần ngồi lại để tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả nên nay ông K yêu cầu ly hôn thì bà đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Văn Thị Bảo V, sinh ngày 29/02/2012, bà có nguyện vọng trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã P phát biểu quan điểm:

Qua nghiên cứu, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa dân sự sơ thẩm về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký, Hội thẩm nhân dân và những người tham gia tố tụng thì thấy:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Đối với hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng, thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ tại phiên tòa.

- Đối với nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành tốt các quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Văn Hoàng K đối với bà Nguyễn Thị H.

Về án phí: Ông K đóng án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật vụ án là: Tranh chấp ly hôn và nuôi con; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã P.

Bà Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bà H theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào lời khai của các đương sự, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp đã có đủ cơ sở để xác định: Ông Văn Hoàng K và bà Nguyễn Thị H tự nguyện chung sống, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn ngày 23/9/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Quảng Nam nên quan hệ hôn nhân giữa các bên là hợp pháp.

Xét về quan hệ hôn nhân của vợ chồng ông K, bà H: Ông K và bà H đều xác định vợ chồng chung sống có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên cãi vã và đã tự nguyện sống ly thân từ tháng 5 năm 2020 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông K vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với bà H, bà H cũng đồng ý ly hôn. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng ông K, bà H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, áp dụng Điều 51, 55 Luật hôn nhân và gia đình ghi nhận sự thuận tình ly hôn của ông K và bà H.

Về con chung: Ông K và bà H có 01 con chung là cháu Văn Thị Bảo V, sinh ngày 29/02/2012. Ông K có nguyện vọng giao cháu V cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), bà H thống nhất bà là người trực tiếp nuôi con, bản thân cháu V cũng có nguyện vọng được sống với bà H do đó xem xét thỏa thuận của ông K, bà H cũng như nguyện vọng của con chung cần ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao cháu V cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy Tòa án không xem xét.

[3] Về án phí: Ông Văn Hoàng K phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Văn Hoàng K đối với bà Nguyễn Thị H về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Văn Hoàng K và bà Nguyễn Thị H thuận tình ly hôn.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Văn Hoàng K giao cháu Văn Thị Bảo V, sinh ngày 29/02/2012 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Văn Hoàng K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Văn Hoàng K được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Ông Văn Hoàng K phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006025 ngày 27/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Ông Văn Hoàng K đã nộp đủ án phí.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án”.

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. (Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND thị xã P;
- Chi cục THADS thị xã P;
- Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****(Đã ký)****Phan Thu Hiền**